

Số: **54** /2017/QĐ-UBND Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước tỉnh Thừa thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1716/TTr-STC ngày 29 tháng 6 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế.

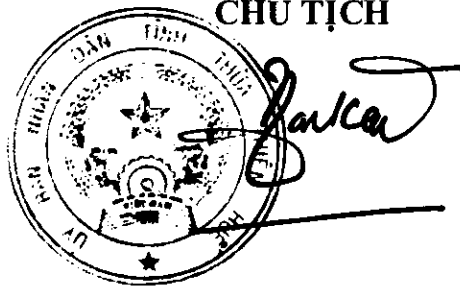
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và thay thế Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Thừa thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế, xã, phường, thị trấn; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp, Chủ đầu tư các dự án và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP: LD và CV;
- Lưu VT, XDKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao

QUY ĐỊNH

Về trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quyết toán dự án hoàn thành
đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Thừa thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số **54** /2017/QĐ-UBND ngày **27** tháng 7 năm 2017
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế, gồm:

1. Các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo lãnh bằng tài sản của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước sau khi hoàn thành (hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn) phải quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

2. Các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước do uỷ ban nhân dân (UBND) cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) quản lý, sau khi hoàn thành (hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn) phải quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn; trách nhiệm và thẩm quyền phê duyệt quyết toán thực hiện theo Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc quyết toán dự án hoàn thành

1. Tất cả các dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước trừ các dự án trong lĩnh vực thuộc bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

2. Chi phí đầu tư được quyết toán, quyết toán dự án thành phần, tiểu dự án là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư xây dựng để đưa dự án vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí thực hiện trong phạm vi dự án, thiết kế, dự toán được duyệt; hợp đồng đã ký kết (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Riêng đối với các dự án nhóm A, các chương trình dự án có nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập sử dụng (có quyết định phê duyệt đầu tư dự án

riêng biệt) thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập được thực hiện lập quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập. Sau khi toàn bộ dự án nhóm A, chương trình dự án hoàn thành, chủ đầu tư (*hoặc chủ quản đầu tư trong trường hợp có nhiều chủ đầu tư các dự án thành phần*) tổng hợp kết quả quyết toán toàn bộ dự án báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt; không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại các dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

4. Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành, tùy theo quy mô, tính chất và thời hạn xây dựng công trình, trường hợp cần thiết phải quyết toán ngay thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung cho từng hạng mục công trình thuộc dự án, trình người có thẩm quyền phê duyệt tại Quy định này; không thẩm tra lại đối với các hạng mục công trình đã được thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo quy định.

5. Đối với các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư được cấp có thẩm quyền cho phép tách ra từ dự án đầu tư xây dựng công trình: chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư chịu trách nhiệm quyết toán vốn đầu tư của dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư trình người có thẩm quyền phê duyệt tại Quy định này.

Trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là một hạng mục trong dự án đầu tư xây dựng công trình được người có thẩm quyền phê duyệt (*không tách thành dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư*), việc quyết toán giải phóng mặt bằng, tái định cư được quyết toán chung với dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nước ngoài (*vốn vay, vốn viện trợ từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân người nước ngoài*) và các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) khi hoàn thành phải thực hiện quyết toán theo quy định hiện hành trong trường hợp không trái với các quy định liên quan của Điều ước quốc tế (*nếu có*); đối với các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật do phía nhà tài trợ trực tiếp quản lý vốn và triển khai thực hiện dự án: chủ đầu tư quyết toán phần vốn đối ứng trong nước do chủ đầu tư quản lý thực hiện (*nếu có*), chủ đầu tư dự án có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền thẩm tra và phê duyệt tại Quy định này, đồng thời ghi tăng giá trị tài sản tương ứng với phần vốn mà bên tài trợ bàn giao.

7. Đối với một chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) bao gồm cả nội dung đầu tư xây dựng công trình và nội dung hỗ trợ kỹ thuật, thực hiện quyết toán như sau:

- Trường hợp các dự án đầu tư xây dựng công trình, tiểu dự án hoặc hợp phần xây dựng công trình thực hiện quyết toán theo Quy định này;
- Trường hợp dự án hỗ trợ kỹ thuật, các dự án đầu tư khác thực hiện quyết toán theo quy định cụ thể tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn, xét duyệt thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Chịu trách nhiệm đôn đốc, yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành cùng với hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền thẩm tra và phê duyệt tại Quy định này. Thời gian tối đa lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A là 9 tháng; dự án nhóm B là 6 tháng; dự án nhóm C là 3 tháng.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính chính xác đối với số liệu quyết toán, tính pháp lý và tính đúng đắn đối với tài liệu đề nghị quyết toán trong hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành và quản lý, lưu hồ sơ quyết toán đúng quy định. Cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến công tác quyết toán vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán và nhà thầu kiểm toán. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo kết quả thẩm tra quyết toán, chủ đầu tư phối hợp với nhà thầu tiến hành đối chiếu nội dung kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành để xem xét những kiến nghị, những nội dung có quan điểm khác nhau giữa chủ đầu tư và cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

4. Chịu trách nhiệm lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập theo quy định của Luật Đấu thầu để thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm A.

5. Sau 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ liên quan của dự án (nếu có) theo quy định khi dự án được bố trí đủ vốn.

Điều 4. Trách nhiệm của các nhà thầu

1. Chịu trách nhiệm thực hiện lập hồ sơ quyết toán giá trị thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng ngay sau khi hoàn thành nội dung công việc trong hợp đồng. Hoàn chỉnh hồ sơ cho chủ đầu tư lập hồ sơ báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý, các số liệu quyết toán đối với các tài liệu đã cung cấp cho cơ quan thẩm tra quyết toán theo quy định, phối hợp với chủ đầu tư và các cơ quan có liên quan xử lý dứt điểm các vấn đề phát sinh, tồn tại trong quá trình lập hồ sơ, báo cáo quyết toán.

3. Chịu trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền, hoàn trả đầy đủ, kịp thời số tiền đã được thanh toán vượt so với quyết định phê duyệt quyết toán thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà thầu.

4. Chịu trách nhiệm mọi tổn thất, thiệt hại (nếu có) trong trường hợp không thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định khi chủ đầu tư có văn bản (3 lần) yêu

cầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán hợp đồng kèm theo thời hạn thực hiện.

Điều 5. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm toán độc lập

1. Nhà thầu kiểm toán, kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành phải chấp hành nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập, thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước khách hàng và người sử dụng kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán và thời gian đã thực hiện.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan kiểm soát thanh toán, cho vay vốn đầu tư

1. Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã cho vay và thanh toán đối với dự án đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; đồng thời có nhận xét, đánh giá, kiến nghị với cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán về quá trình đầu tư của dự án.

2. Phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn đã chi trả cho các cá nhân, đơn vị sai chế độ quy định theo kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước và quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của người có thẩm quyền.

3. Đôn đốc, hướng dẫn chủ đầu tư làm thủ tục thanh toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ nội dung biểu mẫu theo quy định. Cơ quan thẩm tra quyết toán không chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu đã nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; không chịu trách nhiệm về đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đơn giá trúng thầu đã được người quyết định trúng thầu quyết định, chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

2. Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định; hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả trực tiếp thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp. Kết quả thẩm tra quyết toán phải gửi thông báo cho chủ đầu tư, nếu sau 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo mà chủ đầu tư không có ý kiến giải trình về kết quả thẩm tra, thì cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành thực hiện trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cho dự án đó. Mọi phát sinh (nếu có) chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm;

3. Thời gian tối đa thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán đối với dự án nhóm A là 04 tháng; dự án nhóm B là 02 tháng; dự án nhóm C là 01 tháng.

4. Hướng dẫn, đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án sau khi phê duyệt quyết toán.



Điều 8. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Là đầu mối tiếp nhận xử lý các khó khăn, vướng mắc của chủ đầu tư và các phát sinh có liên quan đến việc thay đổi chủ trương, quy mô đầu tư theo thẩm quyền hoặc đề xuất báo cáo UBND tỉnh giải quyết để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế và các chủ đầu tư có liên quan tổng hợp báo cáo, tham mưu UBND tỉnh về danh mục cụ thể các dự án quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư dở dang, dừng thực hiện; hướng dẫn chủ đầu tư lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư làm cơ sở đề xuất báo cáo UBND tỉnh quyết định dừng thực hiện dự án để quyết toán khối lượng đã thực hiện hoặc giải quyết các vướng mắc để tiếp tục thực hiện dự án.

3. Phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh danh mục các dự án đã phê duyệt quyết toán thiếu vốn làm cơ sở bố trí vốn thanh toán.

4. Thông báo công khai các chủ đầu tư, nhà thầu vi phạm công tác quyết toán (theo danh sách được Sở Tài chính công bố) để không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư có dự án vi phạm quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên. Không cho phép nhà thầu tham gia đấu thầu dự án mới sử dụng vốn nhà nước khi chưa hoàn thành quyết toán dự án đã thực hiện hoàn thành theo quy định mà lỗi thuộc về các nhà thầu.

Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh công tác quyết toán đối với các dự án được UBND tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư:

a) Thực hiện các trách nhiệm khi được giao làm chủ đầu tư theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

2. Thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao công trình theo quy định của pháp luật để tạo điều kiện để chủ đầu tư hoàn thành việc bàn giao công trình trước khi trình phê duyệt quyết toán.

3. Đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ của dự án sau khi phê duyệt quyết toán.

4. Phối hợp xử lý các khó khăn vướng mắc của các chủ đầu tư có liên quan đối với những công việc thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước để các chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán vốn đầu tư theo đúng thời hạn quy định.

5. Khi giao nhiệm vụ chủ đầu tư, không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư có dự án vi phạm quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thời gian, chất lượng, hiệu quả công tác quyết toán đối với các dự án thuộc ngân sách cấp mình hoặc các dự án được UBND cấp trên phân cấp quyết định đầu tư, giao làm chủ đầu tư:

a) Thực hiện các trách nhiệm khi được giao làm chủ đầu tư theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Phòng Tài chính Kế hoạch, công chức tài chính – kế toán, chủ đầu tư, ban quản lý dự án trực thuộc thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư, xử lý công nợ của dự án sau khi quyết toán theo quy định.

2. Kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của các chủ đầu tư có liên quan đến những tồn tại trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn và những nội dung khác thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng để các chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán vốn đầu tư.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện

1. Sở Tài chính tỉnh chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về quyết toán vốn đầu tư; hướng dẫn, kiểm tra công tác quyết toán vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành trong toàn tỉnh. Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế tổng hợp danh sách các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân và nhà thầu vi phạm trong công tác quyết toán trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở để Sở Kế hoạch và Đầu tư công khai danh sách các chủ đầu tư, nhà thầu vi phạm.

2. Cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác quyết toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong công tác quyết toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành được xử lý hoặc đề nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương III

THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Chủ tịch UBND tỉnh:

1. Các dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng do Thủ tướng chính phủ quyết định đầu tư đối với các dự án hoặc dự án thành phần sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm A, nhóm B sử dụng vốn nhà nước cấp trên uỷ quyền Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư.

2. Phê duyệt dự án và các dự án thành phần, hạng mục dự án thuộc dự án nhóm A, nhóm B do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (bao gồm các dự án đầu tư dở dang, dừng thực hiện vĩnh viễn) sử dụng vốn nhà nước, sử dụng vốn hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có phần vốn ngân sách tỉnh quản lý.

3. Các dự án nhóm A, nhóm B được Nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn của Nhà đầu tư được UBND tỉnh quyết định chủ trương và cho phép đầu tư.

4. Các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư và các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư được tách ra từ dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm A, nhóm B sử dụng vốn nhà nước thuộc ngân sách tỉnh quản lý.

5. Các dự án nhóm A, nhóm B có sử dụng vốn nước ngoài (*vốn vay, vốn viện trợ từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân người nước ngoài*) do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (*trừ khi có các quy định liên quan của Điều ước quốc tế*).

6. Các dự án nhóm A, nhóm B đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) do UBND tỉnh ký hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp.

7. Các dự án nhóm A, nhóm B do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư cho một chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) bao gồm cả nội dung đầu tư xây dựng công trình và nội dung hỗ trợ kỹ thuật. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cho các tiêu dự án xây dựng công trình hoặc hợp phần xây dựng công trình có quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình riêng biệt thuộc một chương trình, dự án nhóm A, nhóm B.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh

1. Các dự án, hạng mục dự án thuộc nhóm C do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (*bao gồm các dự án đầu tư dở dang bị ngừng thực hiện vĩnh viễn, dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển; chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền*) sử dụng vốn nhà nước, sử dụng vốn hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có phần vốn ngân sách tỉnh quản lý.

2. Các dự án nhóm C sử dụng vốn nhà nước cấp trên uỷ quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư và các dự án được Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền hoặc phân cấp cho Giám đốc các Sở, Ban, Ngành quyết định đầu tư.

3. Các dự án nhóm C được Nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn của nhà đầu tư được UBND tỉnh quyết định chủ trương và cho phép đầu tư.

4. Các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư và các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư được phép tách ra từ dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm C sử dụng vốn nhà nước thuộc ngân sách tỉnh quản lý.

5. Các dự án nhóm C có sử dụng vốn nước ngoài (*vốn vay, vốn viện trợ từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân người nước ngoài*) do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (*trừ khi có các quy định liên quan của Điều ước quốc tế*).

6. Các dự án nhóm C đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) do UBND tỉnh ký hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp.

7. Các dự án nhóm C do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư cho một chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) bao gồm cả nội dung đầu tư xây dựng công trình và nội dung hỗ trợ kỹ thuật. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cho các tiêu dự án xây dựng công trình hoặc hợp phần xây dựng công trình có quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình riêng biệt thuộc một chương trình, dự án nhóm C.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Các dự án nhóm B, C do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc uỷ quyền quyết định đầu tư cho cơ quan cấp dưới trực tiếp *(bao gồm các dự án đầu tư dở dang bị ngừng thực hiện vĩnh viễn, dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển; chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền)* sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, vốn hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có phần vốn ngân sách huyện quản lý.

2. Các dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách tỉnh đã phân cấp hoặc hỗ trợ được Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

3. Các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư và các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư được phép tách ra từ dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm B, C sử dụng vốn nhà nước thuộc ngân sách huyện quản lý.

4. Các dự án nhóm B, C có sử dụng vốn nước ngoài *(vốn vay, vốn viện trợ từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân người nước ngoài)* do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư *(trừ khi có các quy định liên quan của Điều ước quốc tế)*.

5. Các dự án nhóm B, C đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) do UBND cấp huyện ký kết với nhà đầu tư, doanh nghiệp.

6. Các dự án nhóm B, C cho các dự án xây dựng công trình hoặc hợp phần xây dựng công trình có quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình riêng biệt do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) bao gồm cả nội dung đầu tư xây dựng công trình và nội dung hỗ trợ kỹ thuật trong đó chi phí đầu tư xây dựng công trình chiếm tỷ lệ lớn hơn 50% tổng giá trị vốn ODA.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế

1. Các dự án nhóm B, C do Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế quyết định đầu tư *(bao gồm các dự án đầu tư dở dang bị ngừng thực hiện vĩnh viễn, dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển; chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền)* sử dụng vốn nhà nước, vốn hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có phần vốn nhà nước do Ban quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế quản lý.

2. Các dự án nhóm B, C thuộc ngân sách nhà nước cấp trên hỗ trợ được Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế quyết định đầu tư.

3. Các dự án nhóm B, C được Nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn của nhà đầu tư được UBND tỉnh quyết định chủ trương và cho phép đầu tư vào Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế.

4. Các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư và các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư được phép tách ra từ dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm B, C

sử dụng vốn nhà nước do Ban quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế quản lý.

5. Các dự án nhóm B, C có sử dụng vốn nước ngoài (*vốn vay, vốn viện trợ từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân người nước ngoài*) do Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế quyết định đầu tư theo thẩm quyền (*trừ khi có các quy định liên quan của Điều ước quốc tế*).

6. Các dự án nhóm B, C đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) do Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế ký kết với nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Chủ tịch UBND cấp xã

1. Các dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư (*bao gồm các dự án đầu tư dở dang bị ngừng thực hiện vĩnh viễn*) sử dụng vốn ngân sách cấp xã, vốn hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có phần vốn ngân sách cấp xã quản lý.

2. Các dự án thuộc ngân sách nhà nước cấp trên hỗ trợ được Chủ tịch UBND tỉnh (hoặc Chủ tịch UBND huyện) uỷ quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

3. Các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư được phép tách ra từ dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách cấp xã quản lý.

Chương IV

CƠ QUAN THẨM TRA QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀ NHÀ THÀU KIỂM TOÁN QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 17. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

1. Sở Tài chính là cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý. Đơn vị chức năng quản lý tài chính đầu tư thuộc quyền quản lý của Sở Tài chính có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Điều 12, Điều 13 của Quy định này.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: là cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp huyện quản lý trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Điều 14 Quy định này và thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp xã (*khi có yêu cầu bằng văn bản*) để giúp đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của UBND cấp xã trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Điều 16 của Quy định này.

3. Phòng Kế hoạch Tổng hợp của Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế: là đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước

do Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp Thừa Thiên Huế quản lý, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Điều 15 của Quy định này.

4. Công chức Tài chính –Kê toán thuộc quyền quản lý của UBND cấp xã: là người có nhiệm vụ chủ trì thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Điều 16 của Quy định này. Trường hợp, công chức Tài chính –Kê toán không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

a) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

b) Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Điều 18. Nhà thầu kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành

1. Nhà thầu kiểm toán quyết toán phải là các doanh nghiệp kiểm toán được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động doanh nghiệp kiểm toán độc lập tại Việt Nam. Khi thực hiện kiểm toán phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập cũng như các chuẩn mực kiểm toán hiện hành.

2. Đơn vị kiểm toán quyết toán do Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu để kiểm toán quyết toán đối với dự án hoàn thành. Đơn vị kiểm toán, kiểm toán viên chịu trách nhiệm về nội dung và giá trị kiểm toán của dự án do mình thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước khách hàng và người sử dụng kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán đã thực hiện.

Chương V

HỒ SƠ TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Điều 19. Quy định hồ sơ trình duyệt quyết toán

1. Các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này sau khi hoàn thành (*hoặc bị ngừng thực hiện vĩnh viễn*) chủ đầu tư phải lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và gửi hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành cho cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán. Hồ sơ trình duyệt quyết toán được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

2. Các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định đầu tư của UBND cấp xã, sau khi hoàn thành chủ đầu tư phải lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và gửi hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành cho đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của người quyết định đầu tư thẩm tra, trình người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán. Hồ sơ trình duyệt quyết toán được thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng

02 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

3. Hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án được gửi cho cơ quan thẩm tra quyết toán bằng bản giấy đính kèm file điện tử theo quy định và được hoàn trả cho chủ đầu tư cùng với quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trừ các loại hồ sơ được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 20 của Quy định này.

Điều 20. Lưu trữ hồ sơ quyết toán tại cơ quan thẩm tra quyết toán

1. Đối với dự án, hạng mục công trình hoàn thành; dự án dựng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị: các loại hồ sơ quy định tại Điểm a, b, e, g của Khoản 1, Điều 8, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính;

2. Đối với dự án quy hoạch sử dụng vốn đầu tư phát triển (nếu có); dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị: các loại hồ sơ quy định tại Điểm a,b,d,e của Khoản 2, Điều 8, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

3. Cơ quan thẩm tra quyết toán được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp lại các loại hồ sơ đã hoàn trả trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm toán nhà nước kiểm tra các dự án đã phê duyệt quyết toán khi thực hiện kiểm tra tại cơ quan thẩm tra quyết toán.

Chương VI

XỬ LÝ VI PHẠM CHẾ ĐỘ QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Điều 21. Xử lý vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi thẩm tra quyết toán sai quy định gây lãng phí vốn nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gây khó khăn cho chủ đầu tư và các nhà thầu, có tình chậm trễ kéo dài thời gian giải quyết công việc có hành vi thẩm tra quyết toán sai quy định của Bộ Tài chính gây lãng phí vốn nhà nước sẽ bị xử lý kỷ luật theo Luật Cán bộ, công chức và theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Danh sách các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định này sẽ giao Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp để không được xem xét đánh giá các danh hiệu thi đua hàng năm tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 22. Xử lý chủ đầu tư vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành

1. Chủ đầu tư (ban quản lý dự án) có hành vi vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

2. Chủ đầu tư vi phạm các quy định về tắt toán tài khoản, không chủ động thực hiện việc thu hồi, thanh toán công nợ đúng thời hạn và không báo cáo kịp thời

với các cơ quan có thẩm quyền phải hoàn toàn chịu trách nhiệm tự xử lý công nợ và tất toán tài khoản theo các quy định của Bộ Tài chính và UBND tỉnh.

3. Người đứng đầu và các cán bộ có liên quan của chủ đầu tư vi phạm quy định này sẽ không được xem xét đề bạt, bổ nhiệm hoặc chuyển công tác khi chưa giải quyết dứt điểm các tồn tại.

4. Danh sách các chủ đầu tư và các cán bộ vi phạm quy định này sẽ gửi Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp để không được xem xét đánh giá các danh hiệu thi đua hàng năm.

Điều 23. Xử lý nhà thầu vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành

1. Nhà thầu (*tu vấn, thi công, xây dựng*) có hành vi vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

2. Nhà thầu kiểm toán, kiểm toán viên vi phạm nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập làm sai lệch kết quả kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét không được thực hiện công tác kiểm toán độc lập đối với dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Chuyển tiếp thực hiện quyết toán dự án hoàn thành

1. Các dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan thẩm tra quyết toán trước ngày có hiệu lực thi hành của Quy định này, thực hiện thống nhất theo quy định tại Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Các dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan thẩm tra quyết toán, chủ đầu tư thực hiện theo Quy định này.

3. Các dự án, công trình, hạng mục công trình được kiểm toán theo quy định tại Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 và có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa tổ chức lựa chọn được nhà thầu kiểm toán trước ngày có hiệu lực thi hành của quy định này thì không thực hiện kiểm toán.

4. Các dự án, công trình, hạng mục công trình được cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán thực hiện theo Khoản 3, Điều 10 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

Điều 25. Chuyển tiếp trách nhiệm của Chủ đầu tư

Đối với dự án thực hiện qua nhiều năm, có sự thay đổi về tổ chức ban quản lý dự án, hồ sơ quyết toán dự án không đầy đủ khi bàn giao: các Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện, cấp xã (*cơ quan quản lý cấp trên của Chủ đầu tư, ban quản lý dự án*) chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc chỉ đạo Chủ đầu tư xử lý những tồn tại vướng mắc để hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán và tất toán tài khoản tại kho bạc nhà nước theo quy định này.

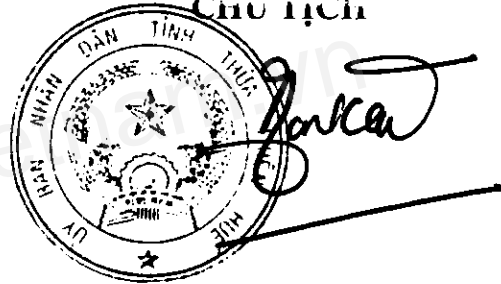
Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này.

2. UBND cấp huyện, cấp xã không được ban hành các quy định yêu cầu thực hiện trái với Quy định này.

3. Định kỳ hàng năm chủ đầu tư (ban quản lý dự án), UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Cao